

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THẨM NGỌẠI NGỮ

DANH SÁCH

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN - TRÌNH ĐỘ TỪ BẠC 3
ĐẾN BẠC 5 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẠC DÙNG CHO VIỆT NAM

NGÀY THI: 15/5/2022

PHÒNG THI: 01

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TN.15.5.3B-001	Nguyễn Tuấn Anh	28.08.1992	Nam	Kinh	Hà Nội
2	TN.15.5.3B-002	Nguyễn Việt Anh	05.10.1999	Nam	Kinh	Hà Nội
3	TN.15.5.3B-003	Nguyễn Thế Anh	17.12.1972	Nam	Kinh	Hà Nam
4	TN.15.5.3B-004	Lê Thị Tú Anh	30.10.1997	Nữ	Kinh	Thái Bình
5	TN.15.5.3B-005	Nguyễn Ngọc Anh	25.10.1996	Nam	Tày	Thái Nguyên
6	TN.15.5.3B-006	Hoàng Minh Ánh	18.11.1997	Nữ	Kinh	Lạng Sơn
7	TN.15.5.3B-007	Trần Thị Hải Âu	04.10.1977	Nữ	Kinh	Hà Nội
8	TN.15.5.3B-008	Phan Thanh Bạch	12.11.1970	Nam	Kinh	Vĩnh Long
9	TN.15.5.3B-009	Lò Văn Biên	23.05.1990	Nam	Thái	Lai Châu
10	TN.15.5.3B-010	Nguyễn Thị Bình	14.05.1973	Nữ	Kinh	Hà Nội
11	TN.15.5.3B-011	Lê Trọng Bình	10.12.1981	Nam	Kinh	Thanh Hoá
12	TN.15.5.3B-012	Hoàng Chính Công	15.03.1988	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
13	TN.15.5.3B-013	Hồ Thị Cương	15.03.1969	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh
14	TN.15.5.3B-014	Dương Văn Cường	11.02.1981	Nam	Kinh	Bắc Ninh
15	TN.15.5.3B-015	Nguyễn Thị Diễm	01.07.1998	Nữ	Tày	Thái Nguyên
16	TN.15.5.3B-016	Nguyễn Thế Dũng	19.04.1978	Nam	Kinh	Hà Nội
17	TN.15.5.3B-017	Trương Anh Dũng	11.06.1981	Nam	Kinh	Hà Nội
18	TN.15.5.3B-018	Đặng Hồng Duyên	18.08.1986	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
19	TN.15.5.3B-019	Nguyễn Viết Dương	25.02.1964	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh
20	TN.15.5.3B-020	Nguyễn Quang Đạo	02.02.1984	Nam	Kinh	Hà Nội
21	TN.15.5.3B-021	Dương Thị Yến Đình	09.08.1994	Nữ	Kinh	Lạng Sơn
22	TN.15.5.3B-022	Trịnh Phương Giang	26.04.1989	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
23	TN.15.5.3B-023	Đỗ Hương Giang	15.11.2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
24	TN.15.5.3B-024	Trương Đức Giao	07.05.1990	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc
25	TN.15.5.3B-025	Đào Thị Thu Hà	21.02.1977	Nữ	Kinh	Thái Bình
26	TN.15.5.3B-026	Nguyễn Thị Hà	10.03.1977	Nữ	Kinh	Bắc Kạn
27	TN.15.5.3B-027	Lại Thị Thu Hà	27.01.1987	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
28	TN.15.5.3B-028	Nguyễn Thị Hải Hà	06.01.1995	Nữ	Kinh	Hưng Yên
29	TN.15.5.3B-029	Giáp Thị Hà	15.07.1982	Nữ	Kinh	Bắc Giang

Ấn định danh sách có: 29 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN - TRÌNH ĐỘ TỪ BẠC 3
ĐẾN BẠC 5 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẠC DÙNG CHO VIỆT NAM

NGÀY THI: 15/5/2022

PHÒNG THI: 02

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TN.15.5.3B-030	Trịnh Thu Hà	03.05.1980	Nữ	Kinh	Hà Nội
2	TN.15.5.3B-031	Lò Văn Hà	16.09.1992	Nam	Thái	Điện Biên
3	TN.15.5.3B-032	Trần Huy Hải	27.10.1998	Nam	Kinh	Hà Nội
4	TN.15.5.3B-033	Nguyễn Mỹ Hải	04.09.1976	Nam	Kinh	Thái Nguyên
5	TN.15.5.3B-034	Quảng Thị Hạnh	20.04.1995	Nữ	Thái	Lai Châu
6	TN.15.5.3B-035	Ngô Kim Hạnh	08.03.1999	Nữ	Kinh	Hà Nội
7	TN.15.5.3B-036	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	23.05.1988	Nữ	Kinh	Phú Thọ
8	TN.15.5.3B-037	Đào Thúy Hằng	20.02.1993	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
9	TN.15.5.3B-038	Nguyễn Bá Hân	03.02.1980	Nam	Kinh	Hà Nội
10	TN.15.5.3B-039	Vũ Thị Bích Hậu	02.04.1983	Nữ	Kinh	Nam Định
11	TN.15.5.3B-040	Hoàng Thị Hiền	03.01.1999	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
12	TN.15.5.3B-041	Dương Đình Hiệu	01.07.1981	Nam	Nùng	Thái Nguyên
13	TN.15.5.3B-042	Phan Thị Hoan	09.10.1984	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
14	TN.15.5.3B-043	Đinh Sỹ Trí Hoàng	27.11.1984	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
15	TN.15.5.3B-044	Nguyễn Huy Hoàng	06.10.1982	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
16	TN.15.5.3B-045	Đinh Thị Thu Hồng	01.05.1988	Nữ	Kinh	Bắc Kạn
17	TN.15.5.3B-046	Lò Văn Huôn	05.09.1993	Nữ	Thái	Điện Biên
18	TN.15.5.3B-047	Nguyễn Đắc Huy	06.11.1983	Nam	Kinh	Hà Nội
19	TN.15.5.3B-048	Đinh Thị Huyền	12.04.2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	TN.15.5.3B-049	Lê Thị Huyền	03.12.1998	Nữ	Kinh	Bắc Kạn
21	TN.15.5.3B-050	Đào Thị Thu Huyền	30.04.1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
22	TN.15.5.3B-051	Nguyễn Hải Hưng	26.01.1987	Nam	Kinh	Bến Tre
23	TN.15.5.3B-052	Trần Thị Thu Hương	29.06.1976	Nữ	Kinh	Hải Dương
24	TN.15.5.3B-053	Đỗ Thu Hương	30.05.1993	Nữ	Kinh	Hà Nội
25	TN.15.5.3B-054	Đỗ Thị Thanh Hương	04.03.1981	Nữ	Kinh	Lào Cai
26	TN.15.5.3B-055	Vũ Thị Hương	25.04.1982	Nữ	Tày	Cao Bằng
27	TN.15.5.3B-056	Trần Trung Kiên	01.09.1999	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc
28	TN.15.5.3B-057	Huỳnh Duy Khang	12.12.1999	Nam	Kinh	Đồng Tháp
29	TN.15.5.3B-058	Nguyễn Văn Khánh	23.09.1995	Nam	Kinh	Hà Nội

Ấn định danh sách có: 29 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN - TRÌNH ĐỘ TỪ BẬC 3
ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

NGÀY THI: 15/5/2022

PHÒNG THI: 03

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TN.15.5.3B-059	Nguyễn Hoàng Lân	04.01.1997	Nam	Kinh	Hà Nội
2	TN.15.5.3B-060	Phạm Văn Long	29.02.1988	Nam	Kinh	Thái Bình
3	TN.15.5.3B-061	Đinh Văn Long	30.08.1993	Nam	Mường	Phú Thọ
4	TN.15.5.3B-062	Đoàn Thị Luyến	27.10.1979	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
5	TN.15.5.3B-063	Phạm Thị Lương	28.09.1992	Nữ	Kinh	Bắc Giang
6	TN.15.5.3B-064	Nguyễn Thị Ly	08.08.1999	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
7	TN.15.5.3B-065	Lại Thị Minh	17.02.1977	Nữ	Kinh	Thái Bình
8	TN.15.5.3B-066	Nguyễn Thị Ninh	22.03.1993	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
9	TN.15.5.3B-067	Hoàng Thanh Nga	11.03.1981	Nữ	Kinh	Cao Bằng
10	TN.15.5.3B-068	Phạm Thị Nga	23.11.1981	Nữ	Kinh	Nam Định
11	TN.15.5.3B-069	Trương Thị Hồng Ngát	17.12.1998	Nữ	Kinh	Hà Nam
12	TN.15.5.3B-070	Nguyễn Thị Phương Ngân	29.08.1993	Nữ	Kinh	Phú Thọ
13	TN.15.5.3B-071	Lò Thị Ngọc	15.10.1996	Nữ	Thái	Điện Biên
14	TN.15.5.3B-072	Đặng Văn Ngọc	04.03.1975	Nam	Kinh	Lạng Sơn
15	TN.15.5.3B-073	Phan Thị Ngọc	21.04.1999	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
16	TN.15.5.3B-074	Đoàn Minh Nguyệt	03.12.1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
17	TN.15.5.3B-075	Nguyễn Thị Nhâm	03.08.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
18	TN.15.5.3B-076	Phan Minh Nhựt	31.05.1087	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh
19	TN.15.5.3B-077	Nguyễn Duy Pháp	17.10.1995	Nam	Kinh	Hà Nội
20	TN.15.5.3B-078	Nguyễn Thanh Phong	15.08.1996	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh
21	TN.15.5.3B-079	Văn Thị Lan Phương	19.09.1992	Nữ	Kinh	Thanh Hoá
22	TN.15.5.3B-080	Hoàng Thị Phương	15.01.1984	Nữ	Kinh	Hà Nội
23	TN.15.5.3B-081	Hoàng Thị Hoa Phương	18.11.2000	Nữ	Tày	Lạng Sơn
24	TN.15.5.3B-082	Phạm Hồng Quân	17.06.1987	Nam	Kinh	Nghệ An
25	TN.15.5.3B-083	Đinh Ngọc Quý	26.03.1993	Nam	Kinh	Ninh Bình
26	TN.15.5.3B-084	Hoàng Xuân Quý	10.01.1978	Nam	Kinh	Hải Dương
27	TN.15.5.3B-085	Nguyễn Thúy Quỳnh	24.06.1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
28	TN.15.5.3B-086	Nguyễn Thúy Quỳnh	18.08.1997	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
29	TN.15.5.3B-087	Nguyễn Vũ Sơn	27.10.1984	Nam	Kinh	Hà Nội

Ấn định danh sách có: 29 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN - TRÌNH ĐỘ TỪ BẠC 3
ĐẾN BẠC 5 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

NGÀY THI: 15/5/2022

PHÒNG THI: 04

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TN.15.5.3B-088	Bùi Đức Tiếp	11.10.1977	Nam	Kinh	Thái Bình
2	TN.15.5.3B-089	Đỗ Ngọc Tú	12.08.1982	Nam	Kinh	Lai Châu
3	TN.15.5.3B-090	Luân Anh Tú	13.03.1996	Nam	Nùng	Thái Nguyên
4	TN.15.5.3B-091	Trần Mạnh Tuấn	06.10.1980	Nam	Kinh	Hà Nội
5	TN.15.5.3B-092	Nguyễn Quang Tùng	19.04.1995	Nam	Kinh	Thái Nguyên
6	TN.15.5.3B-093	Phạm Huy Tuyên	20.11.1983	Nam	Kinh	Nam Định
7	TN.15.5.3B-094	Đinh Quang Tuyên	27.02.1977	Nam	Tày	Bắc Kạn
8	TN.15.5.3B-095	Nông Thị Tươi	17.09.1999	Nữ	Tày	Thái Nguyên
9	TN.15.5.3B-096	Lê Thị Thanh	13.08.1982	Nữ	Kinh	Hà Nam
10	TN.15.5.3B-097	Mã Trường Thành	13.06.1988	Nam	Hoa	Hà Nội
11	TN.15.5.3B-098	Nguyễn Hải Thành	19.11.1997	Nam	Kinh	Tuyên Quang
12	TN.15.5.3B-099	Phạm Thị Phương Thảo	08.08.1983	Nữ	Kinh	Bắc Kạn
13	TN.15.5.3B-100	Nguyễn Nhân Minh Thảo	29.07.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
14	TN.15.5.3B-101	Đinh Thanh Thảo	15.10.2001	Nữ	Kinh	Yên Bái
15	TN.15.5.3B-102	Hà Đức Thiện	20.07.1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	TN.15.5.3B-103	Nguyễn Đức Thịnh	12.08.1981	Nam	Kinh	Bắc Giang
17	TN.15.5.3B-104	Lò Thị Thoa	20.06.1989	Nữ	Thái	Sơn La
18	TN.15.5.3B-105	Nguyễn Minh Thủy	20.03.1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
19	TN.15.5.3B-106	Nguyễn Thị Thuỷ	13.10.1983	Nữ	Kinh	Hải Dương
20	TN.15.5.3B-107	Bùi Thị Minh Thuý	25.02.1995	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	TN.15.5.3B-108	Ma Thị Thùy	17.09.1999	Nữ	Tày	Bắc Kạn
22	TN.15.5.3B-109	Ngô Thị Lệ Thủy	02.11.1992	Nữ	Kinh	Hưng Yên
23	TN.15.5.3B-110	Bùi Minh Trang	30.07.1984	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh
24	TN.15.5.3B-111	Trương Đình Trang	13.12.1991	Nam	Kinh	Nam Định
25	TN.15.5.3B-112	Tòng Thị Trang	10.12.1996	Nữ	Thái	Điện Biên
26	TN.15.5.3B-113	Lê Huyền Trang	23.06.2001	Nữ	Kinh	Hà Nội
27	TN.15.5.3B-114	Đinh Hải Trang	21.05.1992	Nữ	Kinh	Hà Nội
28	TN.15.5.3B-115	Trần Đỗ Uyên	06.12.1997	Nữ	Kinh	Bình Định
29	TN.15.5.3B-116	Vi Hoàng Vân	23.04.1999	Nữ	Kinh	Bắc Giang
30	TN.15.5.3B-117	Lê Thị Xuân	11.07.1982	Nữ	Kinh	Hà Nội

Ấn định danh sách có: 30 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN - TRÌNH ĐỘ TỪ BẠC 3
ĐẾN BẠC 5 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

NGÀY THI: 15/5/2022

PHÒNG THI: 05

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TN.15.5.3B-118	Trịnh Việt Anh	14.03.1982	Nam	Kinh	Hai Dương
2	TN.15.5.3B-119	Vũ Trung Kiên Anh	24.04.1994	Nam	Kinh	Nam Định
3	TN.15.5.3B-120	Dương Văn Bình	01.10.1981	Nam	Kinh	Bắc Giang
4	TN.15.5.3B-121	Nguyễn Đình Cẩn	18.01.1973	Nam	Kinh	Hà Nội
5	TN.15.5.3B-122	Nguyễn Tiến Công	03.08.1980	Nam	Kinh	Hải Dương
6	TN.15.5.3B-123	Nguyễn Đặng Chăm	24.04.1988	Nam	Kinh	Bến Tre
7	TN.15.5.3B-124	Nguyễn Thị Kim Chi	21.06.1977	Nữ	Kinh	TP Hồ Chí Minh
8	TN.15.5.3B-125	Lê Đức Chính	06.12.1997	Nam	Kinh	Quảng Ninh
9	TN.15.5.3B-126	Nguyễn Đức Chính	23.08.1988	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế
10	TN.15.5.3B-127	Lê Thị Thanh Dân	27.04.1981	Nữ	Kinh	TP Hồ Chí Minh
11	TN.15.5.3B-128	Nguyễn Thị Diễm	04.09.1999	Nữ	Kinh	Quảng Bình
12	TN.15.5.3B-129	Lê Thị Ngọc Dung	26.04.1985	Nữ	Kinh	Cà Mau
13	TN.15.5.3B-130	Nguyễn Đình Dũng	11.12.1998	Nam	Kinh	Kon Tum
14	TN.15.5.3B-131	Vũ Đình Duy	15.10.1984	Nam	Kinh	Thái Bình
15	TN.15.5.3B-132	Hoa Thuỳ Dương	25.05.1980	Nữ	Kinh	Long An
16	TN.15.5.3B-133	Chu Văn Dương	05.02.1983	Nam	Kinh	Bắc Ninh
17	TN.15.5.3B-134	Hoàng Thị Ngọc Hà	02.02.1989	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi
18	TN.15.5.3B-135	Hồ Thị Kim Hà	17.10.1992	Nữ	Kinh	Lâm Đồng
19	TN.15.5.3B-136	Hà Quang Hanh	17.04.1977	Nam	Kinh	Hà Nam
20	TN.15.5.3B-137	Trần Thị Lệ Hằng	09.02.1982	Nữ	Kinh	Đồng Nai
21	TN.15.5.3B-138	Lê Gia Hiệp	24.01.1975	Nam	Kinh	Quảng Bình
22	TN.15.5.3B-139	Phạm Thị Ngọc Hiếu	11.01.1983	Nữ	Kinh	Đắk Lắk
23	TN.15.5.3B-140	Trần Thị Tuyết Hoa	11.05.1971	Nữ	Kinh	Thái Bình
24	TN.15.5.3B-141	Đậu Thị Thanh Hoa	04.02.1995	Nữ	Kinh	Kon Tum
25	TN.15.5.3B-142	Trương Thanh Hoàng	1976	Nam	Kinh	Cần Thơ
26	TN.15.5.3B-143	Mai Thị Cẩm Hồng	21.09.1978	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
27	TN.15.5.3B-144	Lê Thị Thu Huệ	20.08.1979	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh
28	TN.15.5.3B-145	Phạm Thanh Hùng	24.02.1979	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
29	TN.15.5.3B-146	Nguyễn Tuấn Hùng	01.10.1977	Nam	kinh	Quảng bình
30	TN.15.5.3B-147	Thái Mạnh Hùng	29.11.1999	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
31	TN.15.5.3B-148	Trần Văn Huy	09.04.1994	Nam	Kinh	Bình Định
32	TN.15.5.3B-149	Bùi Như Khuê	23.08.1983	Nam	Kinh	Quảng Ninh
33	TN.15.5.3B-150	Tổng Đình Lâm	27.12.1982	Nam	Kinh	Quảng Ngãi

Ấn định danh sách có: 33 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN - TRÌNH ĐỘ TỪ BẠC 3
ĐẾN BẠC 5 THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

NGÀY THI: 15/5/2022

PHÒNG THI: 06

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TN.15.5.3B-151	Đỗ Lĩnh	21.07.1977	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
2	TN.15.5.3B-152	Nguyễn Doãn Lộc	12.09.1995	Nam	Kinh	Bắc Ninh
3	TN.15.5.3B-153	Nguyễn Xuân Nam	29.05.1978	Nam	Kinh	Bắc Ninh
4	TN.15.5.3B-154	Nguyễn Hữu Nội	03.04.1985	Nam	Kinh	Bình Định
5	TN.15.5.3B-155	Phan Nữ Quỳnh Nga	12.10.1996	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi
6	TN.15.5.3B-156	Hoàng Vân Ngà	30.12.1988	Nữ	Kinh	Lạng Sơn
7	TN.15.5.3B-157	Lâm Trọng Nghĩa	20.06.1976	Nam	Kinh	Long An
8	TN.15.5.3B-158	Phạm Văn Phổ	05.01.1998	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế
9	TN.15.5.3B-159	Nguyễn Hữu Phúc	03.03.1973	Nam	Kinh	Nam Định
10	TN.15.5.3B-160	Huỳnh Thiện Phương	01.01.1984	Nam	Kinh	Kiên Giang
11	TN.15.5.3B-161	Nguyễn Quyền	12.02.1977	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
12	TN.15.5.3B-162	Chu Việt Sơn	10.11.1976	Nam	Kinh	Phú Thọ
13	TN.15.5.3B-163	Nguyễn Giang Sơn	19.09.1982	Nam	Kinh	Hải Phòng
14	TN.15.5.3B-164	Nguyễn Văn Tâm	18.08.1989	Nam	Kinh	Thanh Hoá
15	TN.15.5.3B-165	Ngô Thị Tâm	10.09.1979	Nữ	Kinh	Nghệ An
16	TN.15.5.3B-166	Nguyễn Văn Tĩnh	08.11.1970	Nam	Kinh	Đà Nẵng
17	TN.15.5.3B-167	Trần Anh Tuấn	26.01.1983	Nam	Kinh	Bình Dương
18	TN.15.5.3B-168	Nguyễn Văn Tuấn	01.04.1981	Nam	Kinh	Thái Bình
19	TN.15.5.3B-169	Hách Công Thành	01.08.1995	Nam	Kinh	Thanh Hoá
20	TN.15.5.3B-170	Đặng Vị Thanh Thiện	24.05.1978	Nam	Kinh	TP Hồ Chí Minh
21	TN.15.5.3B-171	Trần Kim Thoa	01.01.1988	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi
22	TN.15.5.3B-172	Lê Văn Thông	20.02.2000	Nam	Kinh	Quảng Trị
23	TN.15.5.3B-173	Tạ Thị Nguyệt Thu	09.01.1982	Nữ	Kinh	Phú Thọ
24	TN.15.5.3B-174	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	18.11.1991	Nữ	Kinh	Thanh Hoá
25	TN.15.5.3B-175	Nguyễn Anh Thư	15.06.1987	Nữ	Kinh	Bình Dương
26	TN.15.5.3B-176	Nguyễn Thu Trang	29.12.1997	Nữ	Kinh	Lâm Đồng
27	TN.15.5.3B-177	Phạm Thị Mỹ Trang	05.03.1975	Nữ	Kinh	TP Hồ Chí Minh
28	TN.15.5.3B-178	Đặng Hoàng Trung	25.05.1997	Nam	Kinh	Đà Nẵng
29	TN.15.5.3B-179	Nguyễn Trần Nam Trung	01.01.1984	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
30	TN.15.5.3B-180	Phạm Xuân Trường	06.03.1999	Nam	Kinh	Hải Dương
31	TN.15.5.3B-181	Trần Hải Vinh	12.08.1996	Nam	Kinh	Hà Nam
32	TN.15.5.3B-182	Đặng Phong Vương	28.05.1988	Nam	Kinh	Đắk Lắk
33	TN.15.5.3B-183	Diệp Lang Vương	26.12.1984	Nữ	Kinh	Phú Yên

Ấn định danh sách có: 33 thí sinh./.